

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2008/QĐ-UBND

*Rạch Giá, ngày 31 tháng 7 năm 2008***QUYẾT ĐỊNH****Về việc điều chỉnh và đặt bổ sung tên đường tại thành phố Rạch Giá****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh và đặt bổ sung tên đường tại thành phố Rạch Giá;

Theo Tờ trình số 21/TTr-SVHTT ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Sở Văn hóa và Thông tin về việc điều chỉnh và đặt bổ sung tên đường tại thành phố Rạch Giá,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh và đặt bổ sung một số tên đường trên địa bàn thành phố Rạch Giá (kèm theo danh sách tên đường điều chỉnh và đặt bổ sung tại thành phố Rạch Giá).

**Điều 2.** Giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các sở, ngành chức năng có liên quan đẩy mạnh công

tác tuyên truyền phổ biến giáo dục để nhân dân quán triệt và đồng tình, đồng thời tổ chức thực hiện tốt việc gắn biển tên đường điều chỉnh và đặt bổ sung trong thành phố Rạch Giá.

**Điều 3.** Ông Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cùng các sở, ban, ngành chức năng, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Ngọc Sương**

**Danh sách tên đường điều chỉnh và đặt bổ sung tại thành phố Rạch Giá**  
(Kèm theo Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2008  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Tên đường điều chỉnh:

1. Đường Hoàng Diệu có vị trí mới từ đường Bạch Đằng đến đường Nguyễn Hùng Sơn, có chiều dài:  $Ld = 312,5m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 7,5m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3,5m$  và  $5m$  (phía khu 16ha).

II. Tên đường đặt bổ sung:

A. Khu 16ha:

1. Đường Trần Hưng Đạo (nối dài):

Vị trí: nối tiếp đường Trần Hưng Đạo từ cầu đúc kéo dài tới đường Trần Thủ Độ, có chiều dài:  $Ld = 713,2m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 7,5m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 4m \times 2$ .

2. Đường Nguyễn Hùng Sơn (nối dài):

Nối tiếp đường Nguyễn Hùng Sơn từ đường Hoàng Diệu đến đường Trần Thủ Độ, có chiều dài:  $Ld = 393,2m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 7,5m \times 2$ ; dây phân cách:  $Rdpc = 2m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 5m \times 2$ .

3. Đường 3 Tháng 2 (nối dài):

Nối tiếp đường 3 Tháng 2 từ khu lấn biển sang, từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lý Nhân Tông, có chiều dài:  $Ld = 376,5m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 10m \times 2$ ; dây phân cách:  $Rdpc = 2m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 5m \times 2$ .

4. Đường Trần Thủ Độ:

Vị trí: đường Trần Thủ Độ từ đường Trần Hưng Đạo tới đường Lý Nhân Tông, có chiều dài:  $Ld = 269,2m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 7,5m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 4m \times 2$ .

5. Đường Lý Nhân Tông:

Vị trí: đường Lý Nhân Tông từ đường Hoàng Diệu tới đường Trần Thủ Độ, có chiều dài:  $Ld = 393,4m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 7,5m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 4m \times 2$ .

6. Đường Nguyễn Hữu Cầu:

Vị trí: đường Nguyễn Hữu Cầu từ đường Lý Nhân Tông tới đường Lê Hoàn, có chiều dài:  $Ld = 181,7m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 7,5m$ ; bề rộng vỉa hè:

$Rv = 4m \times 2$ .

7. Đường Hoàng Ngọc Phách:

Vị trí: đường Hoàng Ngọc Phách từ đường Nguyễn Hùng Sơn đến đường Trần Hưng Đạo, có chiều dài:  $Ld = 114,5m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 7,5m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 4m \times 2$ .

## 8. Đường Đinh Liệt:

Vị trí: đường Đinh Liệt từ đường Nguyễn Hùng Sơn tới đường Lý Nhân Tông, có chiều dài:  $L_d = 289,9\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 7,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:

$$R_v = 4\text{m} \times 2.$$

## 9. Đường Nguyễn Phúc Chu:

Vị trí: đường Nguyễn Phúc Chu từ đường Trần Hưng Đạo tới đường Lý Nhân Tông, có chiều dài:  $L_d = 317,9\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 7,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 4\text{m} \times 2.$

## 10. Đường Nguyễn Thượng Hiền:

Vị trí: đường Nguyễn Thượng Hiền từ đường Nguyễn Hùng Sơn đến đường Lý Nhân Tông, có chiều dài:  $L_d = 223,5\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 7,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 4\text{m} \times 2.$

## 11. Đường Nguyễn Phạm Tuân:

Vị trí: đường Nguyễn Phạm Tuân từ đường Nguyễn Phúc Chu tới đường Nguyễn Thượng Hiền, có chiều dài:  $L_d = 73,4\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 7,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 4\text{m} \times 2.$

## 12. Đường Lê Hoàn:

Vị trí: đường Lê Hoàn từ đường Hoàng Diệu đến đường Trần Thủ Độ, có chiều dài:  $L_d = 392,7\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 7,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 4\text{m} \times 2.$

## 13. Đường Hải Triều:

Vị trí: đường Hải Triều từ đường 3 Tháng 2 đến đường Nguyễn Hữu Cầu, có chiều dài:  $L_d = 85\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 7,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 4\text{m} \times 2.$

## B. Khu sau Bưu điện tỉnh:

## 14. Đường Nguyễn Đình Tứ:

Vị trí: đường Nguyễn Đình Tứ (nằm song song, giữa 2 tuyến Chu Văn An và Phạm Nhật Duật) từ đường Tô Hiến Thành đến đường Trần Quang Khải, có chiều dài:  $L_d = 195\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 5,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 4\text{m} \times 2.$

## C. Khu lân biên 1, 2, 3:

## C.1. Lô A - B:

## 15. Đường Trần Bội Cơ:

Vị trí: đường Trần Bội Cơ (nằm giữa các lô A4 - A5 - A8 từ đường Phạm Hùng đến đường Công Quỳnh, có chiều dài:  $L_d = 105,9\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 5,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 3\text{m} \times 2.$

## 16. Đường Kim Đồng:

Vị trí: đường Kim Đồng (nằm giữa lô B14 - B10) từ đường 3 Tháng 2 đến đường Lê Văn Hưu, có chiều dài:  $L_d = 106,8\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 5,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 3\text{m} \times 2$ .

17. Đường Bùi Huy Bích:

Vị trí: đường Bùi Huy Bích (nằm giữa lô B11 - B12) từ đường Lê Văn Hưu đến đường Tôn Đức Thắng, có chiều dài:  $L_d = 87,25\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 5,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 3\text{m} \times 2$ .

18. Đường Nguyễn Quang Bích:

Vị trí: đường Nguyễn Quang Bích (nằm giữa lô B6 - B13 - B7) từ đường Lương Nhữ Học đến đường Nguyễn An Ninh, có chiều dài:  $L_d = 155,38\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 5,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 3\text{m} \times 2$ .

19. Đường Học Lạc:

Vị trí: đường Học Lạc (nằm giữa lô B13) từ đường Nguyễn An Ninh đến đường Phạm Phú Thứ, có chiều dài:  $L_d = 103,88\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 5,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 3\text{m} \times 2$ .

20. Đường Phạm Phú Thứ:

Vị trí: đường Phạm Phú Thứ (nằm giữa lô B6 - B13) từ đường Phạm Hùng đến đường Nguyễn Quang Bích, có chiều dài:  $L_d = 104,2\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 5,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 3\text{m} \times 2$ .

C.2. Lô C - D:

21. Đường Hồ Nguyên Trừng:

Vị trí: đường Hồ Nguyên Trừng (nằm giữa lô C12 - C13 - C22) từ đường 3 Tháng 2 đến đường Lê Văn Hưu, có chiều dài:  $L_d = 108,8\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 5,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 3\text{m} \times 2$ .

22. Đường Trần Văn Ký:

Vị trí: đường Trần Văn Ký (nằm giữa lô C13 - C22 - C14) từ đường 3 Tháng 2 đến đường Lê Văn Hưu, có chiều dài:  $L_d = 111,2\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 5,5\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 3\text{m} \times 2$ .

23. Đường Bùi Văn Ba:

Vị trí: đường Bùi Văn Ba (nằm giữa lô C13 - C22) từ đường Hồ Nguyên Trừng đến đường Trần Văn Ký, có chiều dài:  $L_d = 181,85\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 4\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 3\text{m} \times 2$ .

24. Đường Nguyễn Đông Chi:

Vị trí: đường Nguyễn Đông Chi (nằm giữa lô C15 - C16) từ đường Hồ Thị Kỷ đến đường Mai Văn Bộ, có chiều dài:  $L_d = 116,61\text{m}$ ; bề rộng mặt:  $R_m = 4\text{m}$ ; bề rộng vỉa hè:  $R_v = 2\text{m} \times 2$ .

25. Đường Lê Bình:

Vị trí: đường Lê Bình (nằm giữa lô C10 - C11) từ đường Phùng Khắc Khoan đến đường 3 Tháng 2, có chiều dài:  $Ld = 77,6$  m; bề rộng mặt:  $Rm = 5,5$ m; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3m \times 2$ .

26. Đường Nguyễn Đình Chính:

Vị trí: đường Nguyễn Đình Chính (nằm giữa lô C5 - C21) từ đường Đặng Huyền Thông đến đường Phùng Khắc Khoan, có chiều dài:  $Ld = 99,5$ m; bề rộng mặt:  $Rm = 4$ m; bề rộng vỉa hè:  $2m \times 2$ .

27. Đường Ngô Chí Quốc:

Vị trí: đường Ngô Chí Quốc (nằm giữa lô C21 - C6) từ đường Đặng Huyền Thông đến đường Phùng Khắc Khoan, có chiều dài:  $Ld = 99,5$ m; bề rộng mặt:  $Rm = 4$ m; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 2m \times 2$ .

28. Đường Nguyễn Khắc Nhu:

Vị trí: đường Nguyễn Khắc Nhu (nằm giữa lô C1 - C2) từ đường Lâm Quang Ky đến đường Phạm Hùng, có chiều dài:  $Ld = 119,34$ m; bề rộng mặt:  $Rm = 5,5$ m; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3m \times 2$ .

29. Đường Đặng Xuân Thiều:

Vị trí: đường Đặng Xuân Thiều (nằm giữa lô C8 - C9 - C20) từ đường Lạc Hồng đến đường Lê Vĩnh Hòa, có chiều dài:  $Ld = 130,27$ m; bề rộng mặt:  $Rm = 5,5$ m; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3m \times 2$ .

30. Đường Lê Thị Tạo:

Vị trí: đường Lê Thị Tạo (nằm giữa lô C8 - C9) từ đường Phạm Hùng đến đường Đặng Xuân Thiều, có chiều dài:  $Ld = 104,25$ m; bề rộng mặt:  $Rm = 4$ m; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3m \times 2$ .

31. Đường Nguyễn An:

Vị trí: đường Nguyễn An (nằm giữa lô D2 - D3) từ đường Phạm Hùng đến đường Tôn Thất Tùng, có chiều dài:  $Ld = 166,24$ m; bề rộng mặt:  $Rm = 4$ m; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 2m \times 2$ .

C.3. Lô F:

32. Đường Ngô Chi Lan:

Vị trí: đường Ngô Chi Lan (nằm giữa lô F15) từ đường Nguyễn Văn Tố đến đường Trần Huy Liệu, có chiều dài:  $Ld = 58,85$ m; bề rộng mặt:  $Rm = 4$ m; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 2m \times 2$ .

33. Đường Ngô Thất Sơn:

Vị trí: đường Ngô Thất Sơn (nằm giữa lô F4 - F9 - F20) từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Phan Đình Giót, có chiều dài:  $Ld = 138,09$ m; bề rộng mặt:  $Rm = 5,5$  m; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3m \times 2$ .

34. Đường Dương Bá Trạc:

Vị trí: đường Dương Bá Trạc (nằm giữa lô F4 - F5 - F20) từ đường Phạm Hùng đến đường Ngô Thất Sơn, có chiều dài:  $Ld = 128,5m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 5,5m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3m \times 2$ .

35. Đường Nguyễn Huy Lượng:

Vị trí: đường Nguyễn Huy Lượng (nằm giữa lô F10 - F21) từ đường Phan Huy Chú đến đường Tô Vĩnh Diện, có chiều dài:  $Ld = 99,02m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 4m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 2m \times 2$ .

36. Đường Ngô Thế Vinh:

Vị trí: đường Ngô Thế Vinh (nằm giữa lô F5 - F6 - F23) từ đường Bế Văn Đàn đến đường Lê Chân, có chiều dài:  $Ld = 128,5m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 5,5m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3m \times 2$ .

C.4. Khu G:

37. Đường Nguyễn Bá Lân:

Vị trí: đường Nguyễn Bá Lân (nằm bên trái lô G6) từ đường Đặng Thái Mai đến đường Nam Cao, có chiều dài:  $Ld = 84,64m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 4m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3m \times 2$ .

38. Đường Lê Văn Long:

Vị trí: đường Lê Văn Long (nằm bên phải lô G6) từ đường Đặng Thái Mai đến đường Nam Cao, có chiều dài:  $Ld = 84,64m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 4m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3m \times 2$ .

39. Đường Hà Huy Giáp:

Vị trí: đường Hà Huy Giáp (nằm giữa lô G6) từ đường Nguyễn Bá Lân đến đường Lê Văn Long, có chiều dài:  $Ld = 225m$ ; bề rộng mặt:  $Rm = 5,5m$ ; bề rộng vỉa hè:  $Rv = 3m \times 2$ .

Tổng số: điều chỉnh 01 tên đường, đặt mới bổ sung 39 tên đường./.